

TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2016

Số: 23/2016/TTr-HDQT

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi điều lệ Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Công ty Cổ phần Vinaconex 21

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinaconex 21
- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT – BTC ngày 26/07/2012
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014

Ngày 26/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật doanh nghiệp số 68/2014QH13 trong đó Luật doanh nghiệp 2014 có nhiều quy định mới và khác so với các quy định của Luật doanh nghiệp 2005 trước đây.

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Vinaconex 21 và các thay đổi của Pháp luật, Hội đồng quản trị (HDQT) đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty chi tiết tại Phụ lục được đính kèm tờ trình.

Ngoài các sửa đổi nêu trên, Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung cũng có sửa đổi trong một số câu chữ và thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa) cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2014 và các quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số Điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung cũng được thay đổi tương ứng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty gồm các điều khoản sửa đổi bổ sung. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày 22/04/2016 và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành. Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ mới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 chấp thuận thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!


CHỦ TỊCH
NGUYỄN XUÂN VIỆT

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

STT	Nội dung điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi/bổ sung	Thuyết minh lý do sửa đổi bổ sung	Lưu ý
1	<p>Khoản 1 Điều 1</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005</p>	<p>Khoản 1 Điều 1</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là <u>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ Công ty</u> và được quy định <u>cu thể</u> tại <u>Điều 6</u> Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày <u>26 tháng 11 năm 2014</u></p>	Sửa đổi căn cứ theo Khoản 1 Điều 111 Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
2	Bổ sung thêm Khoản	<p>Khoản 4 Điều 1</p> <p><u>Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</u></p>	Bổ sung cho rõ ràng hơn về quy định các thuật ngữ	
3	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ <u>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</u>	Sửa đổi cho phù hợp Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
4	<p>Khoản 6 Điều 2</p> <p><u>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</u></p>	<p>Khoản 6 Điều 2</p> <p><u>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là vô thời hạn.</u></p>	Sửa đổi cho phù hợp với số điều của Điều lệ sửa đổi bổ sung và thực tế hoạt động của công ty	Lựa chọn

	Bổ sung thêm điều	<p><u>Điều 3. Người Đại diện theo pháp luật của Công ty</u> <u>Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này.</u></p>	Tách thành một mục riêng để quy định rõ ràng hơn	Lựa chọn																														
5	<p>Khoản 1 Điều 3</p> <p>a. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường hầm, cấp thoát nước, bưu điện, văn hoá, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, đường dây và trạm biến thế đến 500KV, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;</p> <p>b. Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án: Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa; Khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, đo đạc công trình, thí nghiệm;</p> <p>c. Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu chế xuất, khu công nghiệp; Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn, Du lịch lữ hành; Vận chuyển khách du lịch;</p> <p>d. Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng, đại lý tiêu thụ cho các hãng</p>	<p>Khoản 1 Điều 4</p> <table border="1" data-bbox="865 495 1583 1409"> <thead> <tr> <th><u>TT</u></th> <th><u>Tên ngành</u></th> <th><u>Mã ngành</u></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><u>1</u></td> <td><u>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</u></td> <td><u>4390</u> <u>(Chính)</u></td> </tr> <tr> <td><u>2</u></td> <td><u>Sản xuất các cấu kiện kim loại</u></td> <td><u>2511</u></td> </tr> <tr> <td><u>3</u></td> <td><u>Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét</u> <u>(chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)</u></td> <td><u>0810</u></td> </tr> <tr> <td><u>4</u></td> <td><u>Sản xuất đồ gỗ xây dựng</u></td> <td><u>1622</u></td> </tr> <tr> <td><u>5</u></td> <td><u>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</u> <u>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn</u></td> <td><u>5510</u></td> </tr> <tr> <td><u>6</u></td> <td><u>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</u> <u>Chi tiết: Bán buôn vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng</u></td> <td><u>4663</u></td> </tr> <tr> <td><u>7</u></td> <td><u>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</u> <u>Chi tiết: Bán lẻ vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng</u></td> <td><u>4752</u></td> </tr> <tr> <td><u>8</u></td> <td><u>Xây dựng nhà các loại</u> <u>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.</u></td> <td><u>4100</u></td> </tr> <tr> <td><u>9</u></td> <td><u>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</u> <u>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường hầm, cấp thoát nước, bưu điện, văn hóa, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, đường dây và trạm biến thế đến 500KV, Thi công và tu bổ các công trình di</u></td> <td><u>4290</u></td> </tr> </tbody> </table>	<u>TT</u>	<u>Tên ngành</u>	<u>Mã ngành</u>	<u>1</u>	<u>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</u>	<u>4390</u> <u>(Chính)</u>	<u>2</u>	<u>Sản xuất các cấu kiện kim loại</u>	<u>2511</u>	<u>3</u>	<u>Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét</u> <u>(chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)</u>	<u>0810</u>	<u>4</u>	<u>Sản xuất đồ gỗ xây dựng</u>	<u>1622</u>	<u>5</u>	<u>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</u> <u>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn</u>	<u>5510</u>	<u>6</u>	<u>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</u> <u>Chi tiết: Bán buôn vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng</u>	<u>4663</u>	<u>7</u>	<u>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</u> <u>Chi tiết: Bán lẻ vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng</u>	<u>4752</u>	<u>8</u>	<u>Xây dựng nhà các loại</u> <u>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.</u>	<u>4100</u>	<u>9</u>	<u>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</u> <u>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường hầm, cấp thoát nước, bưu điện, văn hóa, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, đường dây và trạm biến thế đến 500KV, Thi công và tu bổ các công trình di</u>	<u>4290</u>	Sửa đổi bổ sung theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty	
<u>TT</u>	<u>Tên ngành</u>	<u>Mã ngành</u>																																
<u>1</u>	<u>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</u>	<u>4390</u> <u>(Chính)</u>																																
<u>2</u>	<u>Sản xuất các cấu kiện kim loại</u>	<u>2511</u>																																
<u>3</u>	<u>Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét</u> <u>(chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)</u>	<u>0810</u>																																
<u>4</u>	<u>Sản xuất đồ gỗ xây dựng</u>	<u>1622</u>																																
<u>5</u>	<u>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</u> <u>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn</u>	<u>5510</u>																																
<u>6</u>	<u>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</u> <u>Chi tiết: Bán buôn vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng</u>	<u>4663</u>																																
<u>7</u>	<u>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</u> <u>Chi tiết: Bán lẻ vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng</u>	<u>4752</u>																																
<u>8</u>	<u>Xây dựng nhà các loại</u> <u>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.</u>	<u>4100</u>																																
<u>9</u>	<u>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</u> <u>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường hầm, cấp thoát nước, bưu điện, văn hóa, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, đường dây và trạm biến thế đến 500KV, Thi công và tu bổ các công trình di</u>	<u>4290</u>																																

	trong và ngoài nước; e. Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu dùng trong xây dựng và trang trí nội thất, ngoại thất.	<u>tích lịch sử.</u> <u>10</u> <u>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</u> <u>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí</u> <u>4329</u> <u>11</u> <u>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao</u> <u>2395</u> <u>12</u> <u>Đại lý, môi giới, đấu giá</u> <u>Chi tiết: đại lý</u> <u>4610</u> <u>13</u> <u>Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)</u> <u>4931</u> <u>14</u> <u>Vận tải hành khách đường bộ khác</u> <u>4932</u> <u>15</u> <u>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</u> <u>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (mặt hàng Nhà nước cho phép)</u> <u>8299</u> <u>16</u> <u>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</u> <u>Chi tiết: Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu chế xuất, khu công nghiệp;</u> <u>6810</u> <u>17</u> <u>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</u> <u>Chi tiết: Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình Tư vấn đầu tư xây dựng dự án; Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa; Khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, đo đạc công trình, thí nghiệm.</u> <u>7110</u> <u>18</u> <u>Đại lý du lịch</u> <u>Chi tiết: kinh doanh lữ hành</u> <u>7911</u>		
6	Khoản 1 Điều 5 Vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng chẵn) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ	Khoản 1 Điều 6 Vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng chẵn) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 <u>đồng/cổ phần</u>	Sửa đổi cách viết đơn vị theo đúng quy định	Bắt buộc
7	Bổ sung thêm Khoản	Khoản 4 Điều 6 <u>Cổ đông có thể mua cổ phần bằng Đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị</u>	Sửa đổi theo Điều 35 và Điều	Bắt buộc

		<u>quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ cần thiết cho hoạt động của Công ty và các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt nam. Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được Hội đồng quản trị và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 36 Luật Doanh nghiệp</u>	128 Luật doanh nghiệp 2014	
8	<p>Điều 6</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Điều 7</p> <p>1. Cổ đông <u>sở hữu cổ phần chưa lưu ký</u> của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 120</u> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. <u>Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức của Giấy chứng nhận cổ phần do công ty phát hành thì quyền, lợi ích và nghĩa vụ của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.</u></p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người</p>	Sửa lại câu chữ, bổ sung khoản cho phù hợp hơn với hoạt động của Công ty và dẫn chiếu quy định của Luật doanh nghiệp	

	<p>4.Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới <u>sau khi thực hiện các công việc quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp</u>, đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>5. <u>Cổ đông công ty có trách nhiệm gìn giữ Giấy chứng nhận cổ phiếu cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhòe, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Giấy chứng nhận cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp Giấy chứng nhận cổ phiếu này bị mất cấp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</u></p>		
9	<p>Điều 8</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p>Điều 9</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, <u>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc</u> pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng, <u>hạn chế chuyển nhượng</u> theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p> <p>3. <u>Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.</u></p> <p>4. <u>Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</u></p> <p>5. <u>Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ</u></p>	<p>Bổ sung theo Điều 126 Luật doanh nghiệp 2014</p>	<p>Bắt buộc</p>

		<p><u>phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.</u></p> <p>6. <u>Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</u></p> <p>7. <u>Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật về chứng khoán chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm do Trung tâm lưu ký chứng khoán quy định.</u></p>		
10	<p>Khoản 4 Điều 9 Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Khoản 4 Điều 10 <u>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	Sửa đổi căn cứ theo Điều 111, Điều 112 luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
11	<p>Điều 11: Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 2c Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p>	<p>Điều 12: Quyền của cổ đông <u>phổ thông</u></p> <p>Khoản 2c Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành <u>trừ trường hợp Pháp luật hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị có quy định khác;</u></p>	Sửa đổi câu chữ cho phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014	
12	<p>Khoản 3 Điều 11 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p>	<p>Khoản 3 Điều 12 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p>	Sửa đổi tên điều, số điều, số khoản theo luật	

	<p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <u>Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32</u> Điều lệ này</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <u>Khoản 2 Điều 26 và Khoản 6 Điều 34</u> Điều lệ này</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p>	doanh nghiệp 2014 và Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
13	<p>Khoản 3 Điều 12</p> <p>Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p>	<p>Khoản 3 Điều 13</p> <p>Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. <u>Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được công ty mua lại hoặc người khác mua lại cổ phần;</u></p>	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
14	<p>Khoản 1 Điều 13</p> <p>Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Khoản 1 Điều 14</p> <p>Đại hội đồng Cổ đông <u>gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết</u>, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông <u>họp</u> thường niên mỗi năm một lần. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</u></p> <p>Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u></p>	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 135 và Khoản 1,2 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
15	<p>Khoản 2 Điều 13</p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Khoản 1 Điều 14</p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo</p>	Sửa đổi theo Điều 35 Thông tư 121/2012/TT-	Bắt buộc

	quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm	quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập <u>hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trong yếu</u>	BTC	
16	Khoản 3c Điều 13 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	Khoản 3c Điều 14 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	Sửa đổi theo Đem b, Khoản 3, Điều 136 Luật Doanh nghiệp	Bắt buộc
17	Khoản 3d Điều 13 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan	Khoản 3d Điều 14 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 <u>Điều 12</u> Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan	Sửa đổi số điều cho phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
18	Khoản 3e Điều 13 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 449 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Khoản 3e Điều 14 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 159</u> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Sửa đổi số điều khoản tham chiếu theo luật doanh nghiệp 2014	
19	Khoản 4b Điều 13	Khoản 4b Điều 14	Sửa đổi số điều	

	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 -Luật Doanh nghiệp;	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014;	cho phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
20	Khoản 1 Điều 14 Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	Khoản 1 Điều 15 Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua <u>các vấn đề sau đây:</u> <u>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</u> b. Báo cáo tài chính hàng năm; <u>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</u> <u>e. Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên</u> <u>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u> <u>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định Khoản 2 Điều 136 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
21	Khoản 2 Điều 14 Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức	Khoản 2 Điều 15 Đại hội đồng Cổ đông <u>có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</u> a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó <u>theo đề nghị của Hội đồng quản trị;</u> c. <u>Quyết định</u> số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;	Sửa đổi lại câu chữ và bổ sung quy định cho phù hợp với Khoản 2 Điều 135 của Luật doanh nghiệp	Bắt buộc

<p>này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;</p> <p>m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p>	<p>d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, <u>miễn nhiệm</u>, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao <u>và chính sách thù lao cho</u> các thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u>;</p> <p>g. <u>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</u></p> <p>h. <u>Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại sẽ được phát hành cho mỗi loại và các quyền lợi liên quan đến loại cổ phần đó</u></p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. <u>Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;</u></p> <p>l. <u>Xem xét</u> và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;</p> <p>m. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;</u></p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>o. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>p. <u>Các hợp đồng hoặc giao dịch với Người có liên quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>q. <u>Thông qua định hướng phát triển Công ty;</u></p> <p>r. Các vấn đề khác theo quy định của <u>Pháp luật, Điều lệ của Công ty;</u></p>	<p>2014</p>	
--	--	-------------	--

	<p>o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p>			
22	<p>Khoản 3a Điều 14</p> <p>Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng</p>	<p>Khoản 3a Điều 15</p> <p>Thông qua các hợp đồng quy định tại <u>Khoản 2 Điều 15</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng <u>hoặc có lợi ích liên quan đến hợp đồng đó</u></p>	Sửa đổi số điều cho phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
23	<p>Khoản 1 Điều 15</p> <p>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho của mỗi người đại diện</p>	<p>Khoản 1 Điều 16</p> <p><u>Các Cổ đông có thể ủy quyền cho một người khác đại diện của mình tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.</u> Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	Sửa đổi phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 140 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
24	<p>Khoản 3 Điều 15</p> <p>Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao</p>	<p>Không quy định</p>	Luật doanh nghiệp 2014 không quy định trường hợp này	

	hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).			
25	Khoản 4 Điều 15 15.4 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	Khoản 3 Điều 15 3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	Sửa lại quy định tại Điều này do Điều 15 Khoản 3 cũ đã được xóa bỏ	
26	Khoản 2 Điều 16 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này	Khoản 2 Điều 17 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này	Sửa đổi số điều cho phù hợp với Điều lệ sau sửa đổi và bổ sung	
27	Khoản 1 Điều 17 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này	Khoản 1 Điều 18 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này	Sửa đổi số điều cho phù hợp với Điều lệ sau sửa đổi và bổ sung	
28	Khoản 2 Điều 17 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp	Khoản 2 Điều 18 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u> b. <u>Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</u> c. <u>Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</u> d. <u>Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</u> e. <u>Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội</u>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 7 Điều 136 và Điều 137 của Luật doanh nghiệp 2014	Lựa chọn Điều lệ của công ty có thể quy định thời hạn dài hơn

		<p><u>dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</u></p> <p>f. <u>Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</u></p> <p>g. <u>Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;</u></p> <p>h. <u>Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</u></p>		
29	<p>Khoản 3 Điều 17</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận</p>	<p>Khoản 3 Điều 18</p> <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi thư qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm (hoặc thư báo phát) hoặc phương thức khác bảo đảm tới địa chỉ liên lạc của Cổ đông chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</u> <u>Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.</u></p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử (<u>website</u>) của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử</p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 139 của Luật doanh nghiệp 2014	Lựa chọn Điều lệ của công ty có thể quy định thời hạn dài hơn tuy nhiên trường hợp này vẫn giữ nguyên theo luật

		(website) của Công ty để các cổ đông có thể tiếp cận		
30	Bổ sung thêm Khoản	<p>Khoản 4 Điều 18</p> <p><u>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</u></p> <p>a. <u>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, bao gồm thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên);</u></p> <p>b. <u>Mẫu phiếu biểu quyết;</u></p> <p>c. <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</u></p> <p><u>Tài liệu họp sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, và trong thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu. Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông có yêu cầu bằng văn bản.</u></p>	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
31	<p>Khoản 1 Điều 18</p> <p>Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết</p>	<p>Khoản 1 Điều 19</p> <p><u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>51% phiếu</u> biểu quyết</p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 141 của Luật doanh nghiệp 2014	Tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định
32	<p>Khoản 2 Điều 18</p> <p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 2 Điều 19</p> <p>Trường hợp <u>cuộc họp lần thứ nhất</u> không <u>đủ điều kiện tiến hành (không có đủ số lượng cổ đông dự họp cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc)</u> <u>thì</u> được triệu tập <u>họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai</u> trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định <u>họp</u> Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. <u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng Cổ</p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp 2014	Tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định

	lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại hội được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	đồng triệu tập <u>lần thứ hai</u> được tiến hành khi có <u>số cổ đông</u> dự họp đại diện cho ít nhất <u>33% tổng số phiếu</u> biểu quyết		
33	Khoản 3 Điều 18 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	Khoản 3 Điều 19 Trường hợp đại hội lần thứ hai không <u>đủ điều kiện</u> tiến hành (do không có đủ số <u>cổ đông</u> cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội), <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <u>tổng số phiếu biểu quyết</u> của cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ, có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 3 Điều 141 của Luật doanh nghiệp 2014	
34	Khoản 2 Điều 19 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo	Khoản 2 Điều 20 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa hoặc số hóa để việc biểu quyết và/hoặc kiểm phiếu có thể được thực hiện trên phần mềm máy tính hoặc phương tiện công nghệ, kỹ thuật số. Việc biểu quyết sẽ được tiến hành ngay sau khi các báo cáo và nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua đã được trình bày hoặc theo chương trình, thẻ lệ biểu quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề sẽ được chủ toạ thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u>	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế thực hiện của Công ty	Lựa chọn

	đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành			
35	Điều 20 Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	Điều 21 Thông qua <u>ngợi quyết</u> của Đại hội đồng Cổ đông	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Điều 144 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
36	Khoản 1 Điều 20 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành	Khoản 1 Điều 21 <u>Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</u> - <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> - <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> - <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</u> - <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u> - <u>Tổ chức lại, giải thể công ty;</u>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 144 của Luật doanh nghiệp 2014	Lựa chọn Tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định
37	Khoản 2 Điều 20 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất	Khoản 2, 3 Điều 21 <u>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</u> <u>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết</u>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 2, 3 Điều 144 của Luật doanh nghiệp 2014	Lựa chọn Tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công

	<p>được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)</p>	<p><u>tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.</u></p>		ty quy định
38	Bổ sung thêm Khoản	<p>Khoản 4, 5 Điều 21</p> <p>4. <u>Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.</u></p> <p>5. <u>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u></p>	Bổ sung cho phù hợp với quy định Điều 148 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
39	Điều 21 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	Điều 22 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	Sửa đổi tên điều khoản cho phù hợp với quy định Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc

40	<p>Khoản 1 Điều 21 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty</p>	<p>Khoản 1 Điều 22 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng Cổ đông <u>quy định tại Điều 15 Điều lệ này</u> bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty</p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với câu chữ quy định Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
41	<p>Khoản 2 Điều 21 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p>	<p>Khoản 2 Điều 22 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>nghị quyết</u>. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình <u>dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 2 Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
42	<p>Khoản 3c Điều 21 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông</p>	<p>Khoản 3c Điều 22 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân</u>, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>mã số doanh nghiệp</u>, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông</p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 3c Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
43	<p>Khoản 4 Điều 21 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký</p>	<p>Khoản 4 Điều 22 <u>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty</u></p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với	Bắt buộc

	<p>của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p><u>theo một trong các hình thức sau đây:</u></p> <p><u>a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p><u>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u></p> <p><u>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về (gồm cả phiếu lấy ý kiến không thể gửi được đến cho cổ đông do không xác định được chính xác địa chỉ của cổ đông, địa chỉ cổ đông không đầy đủ, địa chỉ cổ đông cung cấp không đúng.....) được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</u></p>	<p>quy định Khoản 4 Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2014</p>	
44	<p>Khoản 5g Điều 21</p> <p>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác</p>	<p>Khoản 5f Điều 22</p> <p>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, <u>người kiểm phiếu</u> và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, <u>người kiểm phiếu</u> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác</p>	<p>Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 5e Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2014</p>	<p>Bắt buộc</p>

45	<p>Khoản 6 Điều 21 Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p>	<p>Khoản 6 Điều 22 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <u>Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu và thực hiện công bố thông tin theo qui định của pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng</u></p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 6 Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2014	Lựa chọn
46	<p>Khoản 8 Điều 21 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 8 Điều 22 <u>Nghi quyết</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như <u>Nghi quyết</u> được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông</p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 4 Điều 144 và Khoản 8 Điều 145 của Luật doanh nghiệp 2014	Lựa chọn Tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định
47	<p>Điều 22 Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng</p>	<p>Điều 23 <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</u> <u>Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</u> Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và <u>/hoặc</u> gửi cho tất cả các cổ đông trong</p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 1 và Khoản 3 Điều 146 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc

	<p>thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</p>	<p>thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>		
48	<p>Điều 23 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1.Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; 2.Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 24 Yêu cầu hủy bỏ <u>Nghi quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, <u>hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>nghi quyết hoặc một phần nghị quyết</u> của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1.Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>và ra quyết định của</u> Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;</u> <u>2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án,</u></p>	Sửa đổi tên điều, nội dung cho phù hợp với quy định Điều 147 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc

	<p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p><u>Trong tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u></p> <p><u>3. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>		
49	<p>Bổ sung điều</p>	<p><u>Điều 25. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên hội đồng quản trị</u></p> <p><u>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <u>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan;</u> <u>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.</u> <u>c. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán</u> <p><u>2. Thành viên hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các yêu cầu sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <u>a. Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ</u> 	<p>Bổ sung cho phù hợp với quy định của Điều lệ mẫu và Điều 151 Luật doanh nghiệp 2014, Điều 30, 35 Thông tư 121</p>	<p>Bắt buộc</p>

		<p><u>quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</u></p> <p>b. <u>Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát trong ba (03) năm gần nhất;</u></p> <p>c. <u>Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;</u></p> <p>d. <u>Không phải là người làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;</u></p> <p>e. <u>Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.</u></p> <p>3. <u>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</u></p>		
50	<p>Khoản 1 Điều 24</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội</p>	<p>Khoản 1 Điều 26</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>của Công ty</u> là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất</p>	<p>Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Điều 150 của Luật doanh nghiệp 2014</p>	

	<p>đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>		
51	<p>Khoản 4 Điều 24</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 4 Điều 26</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị sẽ <u>bị miễn nhiệm</u> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ <u>tiêu chuẩn và điều kiện</u> làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn <u>từ chức</u>;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, <u>trừ trường hợp bất khả kháng</u>;</p> <p>e. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.</u></p>	<p>Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Điều 156 của Luật doanh nghiệp 2014</p>	<p>Bắt buộc</p>
52	<p>Khoản 5 Điều 24</p>	<p>Khoản 5 Điều 26</p>	<p>Sửa đổi bổ sung</p>	<p>Bắt</p>

	Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực	<u>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm</u>	cho phù hợp với quy định Khoản 3 Điều 156 của Luật doanh nghiệp 2014	buộc
53	Khoản 1 Điều 25 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông	Khoản 1 Điều 27 Hội đồng quản trị là cơ quan <u>quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc của</u> Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 149 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
54	Khoản 3h Điều 25 h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền	Khoản 3g Điều 27 g. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 2 Điều 149 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc

			ngành 2014	
55	Khoản 3i Điều 25 i. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	Khoản 3h Điều 27 <u>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với</u> Tổng Giám đốc <u>hay</u> cán bộ quản lý <u>quan trọng do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 2i Điều 149 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
56	Khoản 3m Điều 25 m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty	Khoản 3k Điều 27 <u>k. Kiến nghị việc</u> tổ chức lại, giải thể, <u>yêu cầu phá sản</u> Công ty	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 2o Điều 149 của Luật doanh nghiệp 2014	
57	Khoản 4c Điều 25 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 408 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 420 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	Khoản 4c Điều 27 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	Sửa đổi số điều khoản tham chiếu theo luật doanh nghiệp 2014	
58	Khoản 4i Điều 25 Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10%	Khoản 4i Điều 27 Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều	Bắt buộc

	mỗi loại cổ phần	phần <u>đã được chào bán trong vòng 12 tháng</u>	130 Luật doanh nghiệp 2014	
59	Khoản 1 Điều 26 Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Khoản 1 Điều 28 Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 152 của Luật doanh nghiệp 2014	
60	Khoản 2 Điều 26 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp	Khoản 2 Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. <u>Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần</u>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 3 Điều 153 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
61	Khoản 3 Điều 27 Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05)	Khoản 3 Điều 29 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong <u>các trường hợp sau đây</u> : a. <u>Có đề nghị của</u> Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm Cán bộ quản lý khác; b. <u>Có đề nghị của ít nhất</u> hai thành viên <u>điều hành của</u> Hội đồng quản trị trở lên; c. <u>Có đề nghị của</u> Ban kiểm soát <u>hoặc thành viên độc lập</u> d. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> ;	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 4 Điều 153 của Luật doanh nghiệp 2014 và quy định của công ty.	Bắt buộc

	cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát	<u>e. Ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</u>		
62	Khoản 4 Điều 27 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Khoản 4 Điều 29 <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều 29.</u> Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở <u>Khoản 3 Điều 29</u> có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 5 Điều 153 của Luật doanh nghiệp 2014 và số điều của Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	Bắt buộc
63	Bổ sung thêm khoản	Khoản 6 Điều 29 <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u>	Bổ sung theo Khoản 7 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
64	Khoản 6 Điều 27 Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị	Khoản 7 Điều 29 Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ <u>tru sở chính</u> đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc
65	Khoản 7 Điều 27 Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp , các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo	Khoản 8 Điều 29 Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị họp <u>chậm nhất ba (03) ngày làm trước ngày họp</u> , các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 6 Điều 153 của Luật doanh nghiệp 2014	Bắt buộc

	<p>mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p>	<p>nghiệp 2014</p>	
66	<p>Khoản 8 Điều 27</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp</p>	<p>Khoản 9 Điều 29</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành <u>và thông qua</u> các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị <u>dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</u></p>	<p>Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 8 Điều 153 của Luật doanh nghiệp 2014</p>	<p>Bắt buộc</p>
67	<p>Khoản 9a Điều 27</p> <p>Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết</p>	<p>Khoản 10a Điều 29</p> <p>a. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp: Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; uỷ quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự</u></p>	<p>Sửa đổi bổ sung số điều phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung</p>	

		<p><u>khác theo khoản 13 Điều này; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u></p> <p>b. <u>Trừ quy định tại điểm c khoản 10</u>Error! Reference source not found. <u>Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết; Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp</u></p>		
68	<p>Khoản 9c Điều 27</p> <p>Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị...</p>	<p>Khoản 10d Điều 29</p> <p>Theo quy định tại <u>Điểm e Khoản 10 Điều 29</u>, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị...</p>	Sửa đổi bổ sung số điều phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
69	<p>Khoản 9d Điều 27</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó</p>	<p>Khoản 10e Điều 29</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 <u>Điều 37</u> Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó</p>	Sửa đổi bổ sung số điều phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
70	<p>Khoản 14 Điều 27</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc</p>	<p>Khoản 15 Điều 29</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01)</p>	Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014	Lựa chọn

	hợp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp	thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp, <u>trừ trường hợp lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản.</u>		
71	<p>Khoản 15 Điều 27</p> <p>Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 16 Điều 29</p> <p>Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><u>Trường hợp Công ty không thành lập tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị phụ trách riêng về vấn đề lương thưởng, nhân sự, và vấn đề khác theo quyết định của Hội đồng quản trị</u></p>	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 32 Thông tư 121/2012/TT-BTC	Bắt buộc
72	<p>Khoản 1 Điều 30</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Khoản 1,2,3 Điều 32</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng <u>quản trị</u> hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p><u>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh</u></p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2014	Bắt buộc

		<p><u>hàng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</u></p> <p><u>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:</u></p> <p><u>a.Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>b.Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.</u></p> <p><u>c.Tổng giám đốc có thể là người lao động tại Công ty hoặc thuê ngoài.Trong trường hợp thuê Tổng giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị trực tiếp ký hợp đồng thuê Tổng giám đốc</u></p>		
73	<p>Khoản 3a Điều 30</p> <p>Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua</p>	<p>Khoản 5a Điều 32</p> <p><u>Tổ chức</u> thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và/<u>hoặc</u> Đại hội đồng Cổ đông; <u>tổ chức thực hiện</u> kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và/<u>hoặc</u> Đại hội đồng Cổ đông thông qua</p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 3 Điều 157 của Luật doanh nghiệp 2014	
74	<p>Khoản 3d Điều 30</p> <p>Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm</p>	<p>Khoản 5d Điều 32</p> <p><u>Đề xuất</u> Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh <u>hàng năm</u></p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với hoạt động của công ty	
75	<p>Khoản 1 Điều 32</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban</p>	<p>Khoản 1,2,3,4,5 Điều 34</p> <p><u>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên, các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu,</u></p>	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định của	Bắt buộc

<p>kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 	<p><u>nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <u>Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.</u> <u>Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u> <u>Các Kiểm soát viên phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</u> <u>Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.</u> Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội 	<p>Điều lệ mẫu và Điều 163, Điều 164 Luật doanh nghiệp 2014</p>	
--	---	---	--

		đồng cổ đông.		
76	Khoản 4 Điều 32 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.		Xóa bỏ vì đã gộp lên khoản 1 Điều 34 Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
77	Khoản 1 Điều 33 Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây	Khoản 1 Điều 35 Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Sửa đổi số điều khoản tham chiếu theo luật doanh nghiệp 2014	
78	Khoản 1 Điều 37 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông...	Khoản 1 Điều 39 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 26 và Khoản 6 Điều 34 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông...	Sửa đổi bổ sung số điều phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
79	Khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty	Khoản 4 Điều 39 Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành	Bắt buộc
80	Khoản 1 Điều 43 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này	Khoản 1 Điều 45 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này	Sửa đổi bổ sung số điều phù hợp với Điều lệ sau khi sửa đổi và bổ sung	
81	Khoản 4 Điều 43	Khoản 4 Điều 45	Sửa đổi bổ sung	Bắt

	Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty	Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty	cho phù hợp với quy định hiện hành	buộc
82	Khoản 1 Điều 52 Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Vinaconex 21 nhất trí thông qua ngày 17 tháng 04 năm 2015 tại Công ty Cổ phần Vinaconex 21 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Khoản 1 Điều 54 Bản điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Vinaconex 21 nhất trí thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với sự thay đổi ngày ra quyết định và số điều của Điều lệ sau khi sửa đổi bổ sung	